| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NGỌC HIỂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Thanh Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Trần Thanh Liêm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thúy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, tên gọi khác: T, sinh năm 1990; cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lư Ka T, sinh năm 1986; cư trú tại ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M và quá trình tố tụng tại Tòa án chị M trình bày: Chị và anh Lư Ka T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, đến ngày

15/3/2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do không tin tưởng nhau trong cuộc sống, bản thân anh Ka T thiếu quan tâm lo lắng cho vợ con trong khi đó giữa chị và gia đình bên chồng không có sự đồng cảm trong lối sống, sinh hoạt dẫn đến cuộc sống của vợ chồng bị ảnh hưởng. Do không giải quyết được nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, nay chị yêu cầu ly hôn với anh Ka T.

Về con chung của chị và anh Ka T có hai người con đang ở cùng chị gồm Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 02/9/2016 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 07/4/2018, sau khi ly hôn chị M yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh Ka T cấp dưỡng mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chị không yêu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh Lư Ka T trình bày: Anh thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn như chị M trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân phát sinh tranh chấp chủ yếu là do chị M sau khi xin về nhà cha mẹ ruột ở để sinh con thì không chịu quay về chung sống cùng anh, nay chị M yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung của anh và chị M có hai người như chị M trình bày, sau khi ly hôn anh thống nhất giao hai người con cho chị M nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chị không yêu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Lư Ka T, giao hai người con cho chị M nuôi, buộc anh Ka T cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi, tài sản không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị M được Tòa án nhân dân huyện

Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Lư Ka T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Ka T.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lư Ka T được xác lập vào năm 2015, đến ngày 15/3/2016 đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực tại thời điểm xác lập nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ ngày đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại, anh chị mỗi người một nơi không ai lo lắng, chăm sóc hay giúp đỡ cho nhau trong những lúc khó khăn, thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa diệu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lư Ka T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị M và anh Ka T có hai người con đang ở cùng chị M, sau khi ly hôn anh Ka T thống nhất giao hai người con cho chị M nuôi, như vậy các đương sự đã thỏa thuận trong việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với pháp luật, căn cứ Điều 81của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao chị M nuôi hai người con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 02/9/2016 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 07/4/2018 là con chung của chị M và anh Ka T nên anh Ka T và chị M phải cùng có trách nhiệm, anh Ka T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điều kiện kinh tế của mỗi bên và nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con nên buộc anh Ka T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng theo ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Ka T phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Ka T có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, anh Ka T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, phần tạm ứng án phí của chị M đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử vắng mặt anh Lư Ka T.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Lư Ka T.

Về nuôi con chung: Chị M được nuôi hai người con tên Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh ngày 02/9/2016 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 07/4/2018 hiện đang ở cùng chị. Anh Lư Ka T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi người con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Lư Ka T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh Ka T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Ka T có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị M.

Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng, chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005707 ngày 03/5/2019 được khấu trừ.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch anh Lư Ka T phải chịu 300.000 đồng (nghĩa vụ cấp dưỡng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Hải**